

Bản án số: **125/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 28-12-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Kim Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Nguyễn Văn Hết

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 478/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1990; HKTT: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ hiện nay: Số nhà 165, Tổ 24, ấp X, xã T2, huyện M1, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn C1, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày:*

Chị và anh Huỳnh Văn C do quen biết rồi tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện M vào ngày 16/6/2020 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định.

Sau khi kết hôn, chị và anh C1 chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn và chị về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với anh C1 từ đó cho đến nay. Nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do anh C1 ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C1 không sửa đổi. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có gặp gỡ để bàn bạc, hàn gắn đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với anh C1 được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C1.

Về con chung: Chị và anh C1 có một con chung là cháu Huỳnh Minh K, sinh ngày 04/5/2020, hiện nay đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu con chung giao cho chị trực tiếp nuôi và chị không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Chị và anh C1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh C1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Huỳnh Văn C1 vắng mặt trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm như sau:*

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị C. Về hôn nhân: Chị C được ly hôn với anh C1. Về con chung: Cháu Huỳnh Minh K, sinh ngày 04/5/2020 giao cho chị C trực tiếp nuôi, ghi nhận chị C không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn anh Huỳnh Văn C1 nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị C có quyền khởi kiện theo quy

định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Huỳnh Văn C1 có nơi cư trú tại ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật của vụ án và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn anh Huỳnh Văn C1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Cu.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị C, Hội đồng xét xử nhận định: Chị C và anh C1 do quen biết tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/6/2020 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa chị C và anh C1 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị C xác định là do anh C1 ham mê cờ bạc gây nợ nần, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C1 không sửa đổi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho anh C1 nhưng anh C1 không đến Tòa cho lời khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để phản đối lời trình bày của chị C. Chị C và anh C1 đã sống ly thân một thời gian nhưng không tìm được biện pháp hàn gắn. Khi giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời anh C1 đến Tòa để hoà giải cho anh và chị C đoàn tụ nhưng anh C1 đều vắng mặt, chứng tỏ anh C1 cũng không có thiện chí hàn gắn. Chị C thì kiên quyết giữ nguyên quan điểm ly hôn. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị C và anh C1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh C1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét về con chung: Chị C và anh C1 có một con chung là cháu Huỳnh Minh K, sinh ngày 04/5/2020, hiện nay đang sống chung với chị C. Hội đồng xét xử xét thấy cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi. Chị C và anh C1 không có thoả thuận nào khác về việc nuôi con. Anh C1 cũng không đưa ra yêu cầu được trực tiếp nuôi con hay tài liệu, chứng cứ chứng minh chị C không đủ điều kiện nuôi con. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu K, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi. Chị C không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng cho con là ý chí tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[6] Xét về tài sản chung: Chị C trình bày không có tài sản chung. Anh C1 không đưa ra yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không giải quyết.

[7] Xét về nợ chung: Chị C trình bày không có nợ chung. Anh C1 không đưa ra yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

[8] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị C được ly hôn với anh Huỳnh Văn C1.

Về con chung: Chị C và anh C1 có một con chung là cháu Huỳnh Minh K, sinh ngày 04/5/2020, đang sống chung với chị C. Sau khi ly hôn, con chung giao cho chị C trực tiếp nuôi, ghi nhận chị C không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng cho con.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.*

Về tài sản chung: Chị C trình bày không có tài sản chung, anh C1 không đưa ra yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án không giải quyết.

Về nợ chung: Chị C trình bày không có nợ chung, anh C1 không đưa ra yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn do chị Phạm Thị C có nghĩa vụ chịu là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009630 ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đinh Thị Kim Ngân**